

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2015/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 27 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 985/TTr-STNMT ngày 11 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2007 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Chính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ nước khoáng, nước nóng thiên nhiên), xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động tài nguyên nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.

Điều 2. Quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước

1. Tài nguyên nước thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh được điều chỉnh bởi các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước và quy định này.

2. Bảo vệ tài nguyên nước là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế, khoa học - kỹ thuật, lực lượng vũ trang và mọi công dân.

3. Nghiêm cấm các hành vi làm suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước; ngăn cản trái phép sự lưu thông của nước; phá hoại công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và cản trở quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân. Đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định.

Điều 3. Chính sách về tài nguyên nước

Chính sách về tài nguyên nước thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên nước, ngoài ra tỉnh còn có một số chính sách cụ thể là:

1. Khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các công trình thủy điện quy mô nhỏ theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, hỗ trợ các dự án cấp nước sinh hoạt cho các đô thị, khu dân cư tập trung, các vùng khan hiếm nước sạch, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư các chương trình, dự án phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn và các hoạt động bảo vệ, chống ô nhiễm nguồn nước.

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư hỗ trợ các dự án xử lý nước thải khu đô thị, khu dân cư.

5. Huy động các nguồn lực của xã hội và khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các hệ thống công trình thủy lợi, các công trình cấp thoát nước nông thôn, hệ thống đê điều nhằm phát triển tài nguyên nước trong tỉnh theo hướng bền vững.

Chương II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Luật Tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn để báo cáo UBND tỉnh phê duyệt và gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

Điều 5. Kiểm kê tài nguyên nước

Việc kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện định kỳ năm (05) năm một lần, phù hợp với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trách nhiệm kiểm kê tài nguyên nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh; tổng hợp kết quả kiểm kê của các lưu vực sông nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn trình UBND tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

3. Nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Trách nhiệm điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

a) Các Sở: Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Giao thông vận tải; Văn hóa - Thể thao và Du lịch và các Sở, Ban ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện điều tra, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, trên địa bàn trình UBND tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

2. Nội dung, biểu mẫu điều tra, nội dung báo cáo và trình tự thực hiện điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước để đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường; công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt.

2. Các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước do các Sở, ngành và địa phương xây dựng phải có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các Sở, Ban ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của mình và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

3. UBND cấp huyện và cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về sử dụng nước của mình và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

Chương III**QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC****Điều 9. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước**

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất phải có giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp (trừ trường hợp không phải cấp phép quy định tại Điều 16 của Quy định này); phải chấp hành các quy định đã ghi trong giấy phép và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Không cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại các khu, cụm công nghiệp đã có hệ thống cấp nước tập trung và dịch vụ cấp nước đảm bảo đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng; riêng đối với những đơn vị đang khai thác, sử dụng nước dưới đất chưa được cấp phép tại các khu, cụm công nghiệp đã có hệ thống cấp nước tập trung thì phải chấm dứt ngay việc khai thác và chuyển qua sử dụng nước của hệ thống cấp nước tập trung trước ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Đối với các giấy phép khai thác nước dưới đất tại các khu, cụm công nghiệp đã được cấp, sau khi giấy phép hết hạn sẽ không được xem xét gia hạn hoặc cấp mới.

3. Trường hợp các khu, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp, làng nghề chưa có hệ thống cấp nước tập trung hoặc đã có hệ thống cấp nước tập trung nhưng dịch vụ cấp nước chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng thì Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước

1. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 38 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

2. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 43 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

3. Các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014.

Điều 11. Bảo vệ tài nguyên nước

1. Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước: UBND cấp huyện, xã nơi chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự cố ô nhiễm nguồn nước có trách nhiệm chủ động tiến hành các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý; báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời chỉ đạo xử lý.

2. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức điều tra, xác định các nguồn nước phải lập danh mục để xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước và tổ chức công bố, quản lý theo quy định;

- Các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện, thủy lợi và các hồ chứa khác có trách nhiệm cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định và bàn giao mốc giới cho UBND cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ.

3. Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố sau khi UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 12. Công tác trám lấp giếng không sử dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện định kỳ tổ chức điều tra, thống kê, phân loại, lập danh mục các giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh để tổ chức trám lấp theo quy định nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất.

2. Nguồn kinh phí tổ chức thực hiện việc trám lấp giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

Điều 13. Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong hoạt động tài nguyên nước

1. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định, lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước,

xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tổ chức tính, thẩm định tiền cấp quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thẩm định đề án, báo cáo trong hoạt động tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định các đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và trình UBND tỉnh cấp giấy phép theo thẩm quyền.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định đối với các trường hợp

a) Thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 500 m³/ngày đêm đến lưu lượng nhỏ hơn 3.000 m³/ngày đêm.

b) Khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm đến lưu lượng nhỏ hơn 50.000 m³/ngày đêm.

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 200 kw đến công suất lắp máy nhỏ hơn 2.000 kw.

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³/giây đến lưu lượng nhỏ hơn 02 m³/giây.

đ) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 500 m³/ngày đêm đến lưu lượng nhỏ hơn 3.000 m³/ngày đêm.

e) Khai thác, sử dụng nước biển; xả nước thải nuôi trồng thủy sản.

Điều 15. Chế độ báo cáo trong hoạt động tài nguyên nước

1. Hàng năm, trước ngày 05/01 hàng năm, các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, các Sở, Ban ngành liên quan và các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước lập báo cáo kết quả hoạt động gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Ngoài việc báo cáo định kỳ tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động tài nguyên nước phải lập báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

3. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo về tình hình cấp phép, thực hiện giấy phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết các nội dung báo cáo định kỳ.

Chương IV

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 16. Các trường hợp không phải xin cấp giấy phép

1. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, không phải xin phép

a) Khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình.

b) Khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 44 Luật Tài nguyên nước.

c) Khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 0,1 m³/giây.

d) Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp không vượt quá 100 m³/ngày đêm.

đ) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy không vượt quá 50 kw.

e) Khai thác, sử dụng nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với quy mô không vượt quá 10.000 m³/ngày đêm; khai thác, sử dụng nước biển phục vụ các hoạt động trên biển, đảo.

g) Khai thác, sử dụng nước phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học.

h) Khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

2. Các trường hợp xả nước thải vào nguồn nước không phải xin cấp phép

a) Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình.

b) Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 05 m³/ngày đêm, trừ các trường hợp sau đây phải xin cấp giấy phép:

- Dệt nhuộm; may mặc có công đoạn nhuộm, in hoa; giặt là có công đoạn giặt tẩy;

- Luyện kim, tái chế kim loại, mạ kim loại; sản xuất linh kiện điện tử;

- Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp; thuộc da, tái chế da;

- Chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất, lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm dầu mỏ;

- Sản xuất giấy bột và bột giấy; nhựa, cao su, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón, hóa chất, dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm, thuốc bảo vệ thực vật; pin, ắc quy; mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa chất; chế biến tinh bột sắn, bột ngọt;

- Thực hiện thí nghiệm có sử dụng hóa chất, chất phóng xạ;

- Các cơ sở khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế.

c) Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đó.

d) Xả nước thải nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 10.000 m³/ngày đêm hoặc nuôi trồng thủy sản trên biển, sông, suối, hồ chứa.

Điều 17. Đăng ký khai thác nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm; khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình; cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học nằm trong khu vực đăng ký khai thác nước dưới đất đã được UBND tỉnh phê duyệt và có chiều sâu giếng khoan lớn hơn 20 m phải thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất.

2. Thẩm quyền đăng ký khai thác nước dưới đất

a) UBND cấp huyện tổ chức hướng dẫn thủ tục và thực hiện đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp quy định tại Điểm b, g, Khoản 1, Điều 16 của Quy định này.

b) UBND cấp xã tổ chức hướng dẫn thủ tục và thực hiện đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 16 của Quy định này.

3. Quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất được thực hiện theo Điều 6, Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

1. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được lập theo quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các mẫu hồ sơ liên quan thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Có văn bản thỏa thuận của UBND xã, phường, thị trấn; UBND huyện, thị xã, thành phố nơi có công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

3. Các đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước phải do các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện.

Điều 19. Trình tự thực hiện việc cấp Giấy phép hoạt động tài nguyên nước theo thẩm quyền của UBND tỉnh

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và Điều 11, Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân theo cơ chế “Một cửa” tại phòng tiếp nhận và bàn giao hồ sơ theo lịch đã được công khai ở nơi làm việc.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân xin cấp Giấy phép hoạt động tài nguyên nước sau khi nộp lệ phí cấp phép theo quy định.

Điều 20. Trình tự hoạt động tài nguyên nước đối với các trường hợp được cấp giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và báo cáo UBND tỉnh có văn bản thỏa thuận với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ có liên quan.

2. Sau khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép hoạt động tài nguyên nước, tổ chức, cá nhân phải báo cáo kế hoạch hoạt động cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện kèm theo giấy phép, đề án hoặc báo cáo thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và bản đồ vị trí khu vực công trình hoạt động tài nguyên nước.

3. Tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động tài nguyên nước phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình triển khai và kết thúc hoạt động.

Chương V

THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 21. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của UBND các cấp

1. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của UBND tỉnh được quy định tại Khoản 1, Điều 71 Luật Tài nguyên nước 2012 và Điều 45 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của UBND huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) như sau:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước.

b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn sau khi cấp có thẩm quyền cấp phép; phát hiện và xử lý kịp thời theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xử lý kịp thời các sai phạm theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống lãng phí về tài nguyên theo quy định của pháp luật.

c) Thu thập, quản lý lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn.

d) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng tài nguyên nước, nguồn nước sinh hoạt tại địa phương; điều tra, thống kê, tổng hợp và phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

đ) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền.

e) Tổ chức lấy ý kiến đối với công trình khai thác, sử dụng nguồn nước nội tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh; công trình chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

g) Hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc UBND cấp xã.

h) Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục liên quan đến việc sử dụng đất, cơ sở hạ tầng và các vấn đề khác có liên quan của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

i) Có ý kiến thỏa thuận về địa điểm, phạm vi, diện tích đề nghị hoạt động tài nguyên nước tại địa phương của tổ chức, cá nhân.

k) Định kỳ một năm một lần báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra để Sở tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) như sau:

a) Chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra.

c) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước khác theo quy định; theo dõi, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn cấp xã; kiểm tra, đình chỉ, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp trên xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong quá trình hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn.

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

đ) Quản lý việc khai thác, sử dụng nước dưới đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất ở các vùng phải đăng ký theo quy định.

e) Tiếp nhận, kiểm tra, thực hiện các trình tự đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho hộ gia đình theo Quy định này; quản lý, lưu trữ hồ sơ, lập sổ theo dõi, ghi chép, thống kê, tổng hợp kết quả đăng ký và định kỳ báo cáo UBND cấp huyện.

g) Thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; tham gia giám sát quá trình trám lấp của đơn vị thi công.

h) Có ý kiến thỏa thuận về địa điểm, phạm vi, diện tích đề nghị hoạt động tài nguyên nước tại địa phương của tổ chức, cá nhân.

i) Định kỳ một năm một lần báo cáo UBND cấp huyện tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt và thực hiện quy hoạch tài nguyên nước, kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông nội tỉnh.

2. Khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền, khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông; lập danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp.

3. Xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với lưu vực sông nội tỉnh.

4. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nguồn nước phục vụ cung cấp nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

5. Thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; thu phí, lệ phí về tài nguyên nước, thẩm định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

6. Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn.

7. Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

8. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật.

9. Đề xuất các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, các biện pháp quản lý hoạt động tài nguyên nước.

10. Phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các dự đầu tư khai thác tài nguyên nước phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

11. Tổ chức lấy ý kiến đối với công trình khai thác, sử dụng nguồn nước liên tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước liên tỉnh; công trình chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

Điều 23. Thẩm quyền và trách nhiệm của các Sở, Ban ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì thẩm định phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

b) Chủ trì, phối hợp các Sở, Ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch thủy lợi theo lưu vực sông; các công trình phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; các công trình khai thác nước phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và cấp nước sinh hoạt nông thôn.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định quy trình vận hành hồ chứa nước thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sở Xây dựng

Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có chức năng tổ chức lập quy hoạch xây dựng đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung, thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch cấp nước, thoát nước.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

b) Phối hợp với các Sở, Ban ngành, UBND cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch thủy điện.

4. Sở Tài chính

Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hàng năm và dài hạn cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

5. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ 6 tháng kiểm tra và công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; cảnh báo kịp thời các hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt.

6. Cục thuế tỉnh

Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân kê khai và thu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

7. Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, du lịch, dịch vụ có sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước lập hồ sơ cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác quản lý hoạt động tài nguyên nước đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế.

c) Xây dựng lộ trình đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung phù hợp của khu, cụm công nghiệp và yêu cầu các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu, cụm công nghiệp thực hiện đầu nối theo quy định.

8. Các Sở, ngành liên quan khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước; có ý kiến thỏa thuận về vị trí thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan có thẩm quyền đề nghị.

Chương VI

THANH TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM, KHEN THƯỞNG

Điều 24. Thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước thực hiện theo quy định tại Luật Thanh tra, Luật Tài nguyên nước, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

2. UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm

Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước ở địa phương mình quản lý; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc hòa giải các tranh chấp về tài nguyên nước phù hợp với các quy định của pháp luật.

Thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên nước, có biện pháp hoặc đề xuất các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước và có quyền đình chỉ các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất tại địa bàn không có giấy phép theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình hoạt động thanh tra, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp với thanh tra các ngành, các cấp và UBND cấp huyện, cấp xã trong hoạt động thanh tra về tài nguyên nước.

Điều 25. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Tài nguyên nước và theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất do Sở Tài nguyên và Môi trường; hoạt động xả nước thải

vào các công trình thủy lợi do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Khen thưởng, kỷ luật và xử lý vi phạm

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được khen thưởng, nếu vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức có hành vi sách nhiễu, dung túng, bao che, không thực hiện đúng các quy định của nhà nước về quản lý tài nguyên nước sẽ chịu hình thức kỷ luật theo quy định của pháp lệnh cán bộ công chức và các quy định khác của pháp luật.

**Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, Ban ngành và UBND cấp huyện hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thi hành quy định này và các văn bản pháp luật về tài nguyên nước.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có những phát sinh, vướng mắc; các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, giải quyết theo quy định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính